TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-ST
Ngày: 25-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Thạch Thị Mỹ Kim
2. Ông Kiên Ngọc Trương

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Đính, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2024/TLST-KDTM, ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần X

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn T, chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số B, đường P, Khóm C, Phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Từ Duy T1, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2024

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần T2 số 1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Môn B, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tầng A, T, Lô H, Khu đô thị M, đường P, phường M, Quận N, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024 và lời khai của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Từ Duy T1 *trình bày:*

Ngày 25/3/2021, Công ty cổ phần X do ông Nguyễn Đình Ngọc H làm đại diện và Công ty cổ phần T2 do ông Bùi Môn B làm đại diện ký kết hợp đồng mua bán bê tông số: 2503/2021/HĐKT/PT-FECON; ngày 04/11/2021, hai đại diện công ty ký tiếp hợp đồng số: 201/2021/HĐCCH/PQ về việc cung cấp bê tông thương phẩm. Ngày 07/11/2021, đại diện hai công ty ký hợp đồng số: 235/2021/HĐCCHH/PQ về việc cung cấp bê tông thương phẩm. Ngày 15/11/2021, hai bên ký tiếp hợp đồng số: 1501/2021/HĐKT/FCL1-PT về việc cung cấp bê tông thương phẩm. Ngày 25/11/2021, đại diện hai bên ký hợp đồng số: 301/2021/HĐCCH/PQ về việc cung cấp bê tông thương phẩm. Theo nội dung thỏa thuận Công ty X sẽ cung cấp bê tông thương phẩm, xi măng, cát đá, vật liệu xây dựng, vật tư phụ các loại phục vụ thi công công trình trên địa bàn thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Theo điều khoản thanh toán của các hợp đồng trên thì Công ty cổ phần T2 cọc FECON số 1 phải thanh toán cho Công ty chúng tôi 100% giá trị hàng hóa trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn. Đến ngày 30/6/2022, Công ty X đã cung cấp bê tông thương phẩm và vật tư xây dựng cho Công ty cổ phần T2 số 1 theo đúng điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Riêng Công ty cổ phần T2, tính đến ngày 30/11/2022 còn nợ Công ty X tổng cộng 2.339.116.846 (hai tỷ ba trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng. Tính đến ngày 27/10/2023, Công ty cổ phần T2 chỉ thanh toán được 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nên còn nợ lại 1.839.116.846 (một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng. Mặc dù Công ty X đã nhiều lần liên hệ với lãnh đạo Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 để yêu cầu thanh toán số tiền mua bê tông còn nợ nhưng phía Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 không có thiện chí thanh toán số tiền nợ đã quá hạn cho công ty C. Nhận thấy việc Công ty cổ phần T2 số 1 không thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền mua bê tông còn nợ đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty X. Nay tôi đại diện cho Công ty cổ phần X yêu cầu Công ty cổ phần T2 phải trả số tiền mua bê tông còn nợ 1.839.116.846 (một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/8/2022 cho đến khi Công ty cổ phần T2 số 1 trả hết số tiền còn nợ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần T2 *số 1 vắng mặt nên không có lời trình bày*.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt với bản tự khai có nội dung thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là giảm số tiền mua hàng còn nợ từ 1.839.116.846 (một tỷ tám trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng xuống còn 1.139.116.846 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/8/2022 cho đến khi Công ty cổ phần T2 số 1 trả hết số tiền còn nợ.

Bị đơn Công ty cổ phần T2 số 1 vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, tại Công văn số: 04/2024/CV-TCKT.FCPL1, ngày 04/7/2024 của Công ty cổ phần T2 đã xác định số tiền mua hàng còn nợ của Công ty cổ phần X tính đến

ngày 03/7/2024 là 1.239.116.846 (một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng. Nguyên nhân không thanh toán cho nguyên đơn là do Công ty cổ phần T2 cọc FECON số 1 đang gặp khó khăn vè tài chính do các chủ đầu tư chậm thanh toán.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T2 trả lại số tiền mua bê tông còn nợ là 1.139.116.846 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng và chịu lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 30/8/2022 cho đến khi Công ty cổ phần T2 trả hết số tiền còn nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: "Tranh chấp hợp đồng mua bán", căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty cổ phần T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bị đơn Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 nợ tiền mua bê tông của nguyên đơn Công ty Cổ phần X là có thật, được thể hiện tại, hợp đồng mua bán bê tông số: 2503/2021/HĐKT/PT-FECON, ngày 25/3/2021; hợp đồng số: 201/2021/HĐCCH/PQ ngày 04/11/2021; hợp đồng số: 235/2021/HĐCCHH/PQ, ngày 07/11/2021; hợp đồng số: 1501/2021/HĐKT/FCL1-PT, ngày 15/11/2021 và hợp đồng số: 301/2021/HĐCCH/PQ 25/11/2021, về việc cung cấp bê tông thương phẩm, do nguyên đơn cung cấp. Sau khi đối chiếu công nợ, phía Công ty T2 đã thanh toán cho Công ty X được một phần và còn nợ lại số tiền 1.139.116.846 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do xem như phía bị đơn cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cũng thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 phải trả số tiền mua bê tông còn nợ là 1.139.116.846 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về lãi suất:

Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi suất do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 0,75%/tháng. Xét yêu cầu của phía nguyên đơn là phù hợp với mức lãi suất theo quy định của pháp luật có đủ căn cứ như đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về thời điểm tính lãi:

Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2022 với số tiền còn nợ là 2.489.116.846 (hai tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng. Đến ngày 22/7/2024, phía Công ty T2 số thanh toán được 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, nên số tiền nợ còn lại là 1.139.116.846 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng.

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2022 cũng đã thể hiện, thời điểm cuối cùng Công ty T2 thanh toán tiền hàng cho Công ty X là ngày 23/6/2022 nên việc Công ty X yêu cầu tính lãi kể từ ngày 30/8/2022, tức sau thời điểm thanh toán cuối cùng hơn hai tháng, là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về số tiền lãi: Về thời gian tính lãi từ ngày 30/8/2022 đến ngày xét xử 25/7/2024 là 22 tháng 26 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Tổng tiền lãi là:

1.139.116.846đ x 0.75%/tháng x 22 tháng 26 ngày = 195.358.526đ

[7] Về án phí: Buộc bị đơn Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn Công ty Cổ phần X không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 398; 430; 440; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 306 và Điều 317 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần T2 phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần X tổng số tiền nợ là 1.334.475.372 (một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.139.116.846 (một tỷ một trăm ba mươi chín triệu một trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi sáu) đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 30/8/2022 đến ngày xét xử 25/7/2024 là 195.358.526 (một trăm chín mươi lăm triệu ba trăm năm mươi tám nghìn năm trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 26/7/2024, nếu bên phải thi hành án vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty cổ phần T2 số 1 phải nộp 52.034.000 (năm mươi hai triệu không trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Công ty Cổ phần X không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 37.000.000 (ba mươi bảy triệu) đồng mà Công ty Cổ phần X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003770, ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Chi